



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Bến Tre

Số 19

Ngày 31 tháng 7 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

12-07-2024	Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND về bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2024.	2
12-07-2024	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024.	7
12-07-2024	Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND quy định nhiệm vụ chi và mức chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	24
12-07-2024	Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	32

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

Số: 10 /2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp
phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Xét Tờ trình số 3479/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2024; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tập trung trong 6 tháng cuối năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Để hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, đặc biệt là mục tiêu tăng trưởng 6,5 - 7%, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre năm 2024 và những nhiệm vụ, giải pháp bổ sung đã nêu trong Báo cáo số 316/BC-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

1. Tập trung tối đa các nguồn lực để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện 11 công trình, dự án và các chương trình theo Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, đặc biệt là dự án cầu Rạch Miễu 2, dự án Đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2, dự án Khu công nghiệp Phú Thuận, dự án Đầu tư Khu Lạc Địa, các dự án đô thị, Đề án Làng văn hóa du lịch Chợ Lách. Triển khai thi công xây dựng cầu Ba Lai 8, đồng thời hoàn chỉnh đề xuất dự án Xây dựng Tuyến đường bộ ven biển kết

nổi tỉnh Bến Tre với tỉnh Tiền Giang và Trà Vinh, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để triển khai các bước tiếp theo; khởi động dự án Nhà máy sản xuất Hydro Xanh Bến Tre; hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu, khởi công xây dựng Bệnh viện Đa khoa Bến Tre.

2. Triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tập trung nguồn lực tổ chức tốt Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Bến Tre năm 2024 và hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án được cấp chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư sau Hội nghị Xúc tiến đầu tư.

3. Về phát triển kinh tế

a) Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, tình hình thiên tai để kịp thời có giải pháp phòng chống, ứng phó; lập phương án bảo vệ trọng điểm trong mùa mưa, bão, triều cường, sạt lở thường xảy ra vào những tháng cuối năm 2024 nhằm bảo vệ thành quả sản xuất và tính mạng, tài sản của Nhân dân; tập trung thực hiện công tác phòng chống hạn mặn mùa khô năm 2025. Quan tâm công tác phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, đặc biệt là đối với cây công nghiệp chủ lực của tỉnh. Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ lúa Hè Thu và Thu Đông đạt hiệu quả. Tiếp tục tranh thủ Trung ương nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và vận động thực hiện đạt chỉ tiêu phát triển ít nhất 500 ha nuôi tôm biển ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh liên kết tiêu thụ sản phẩm nông, thủy sản; quản lý chặt chẽ chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tiếp tục củng cố và nâng chất các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

b) Phấn đấu công nhận huyện Mỏ Cày Nam đạt chuẩn nông thôn mới, huyện Chợ Lách đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; các huyện Mỏ Cày Bắc, Thạnh Phú, Châu Thành cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới. Phấn đấu đến cuối năm 2024, công nhận thêm ít nhất 11 xã nông thôn mới, 11 xã nông thôn mới nâng cao và 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Hoàn chỉnh các thủ tục, hồ sơ để tiến hành thành lập các cụm công nghiệp Phong Năm 2 (huyện Giồng Trôm), Địa Dừa (huyện Mỏ Cày Nam) và C2 (huyện Thạnh Phú).

d) Tăng cường hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực, góp phần mở rộng và gia tăng năng lực sản xuất mới; thực hiện thực chất, hiệu quả cải cách thủ tục hành chính. Nâng cao khả năng tiếp cận vốn của người dân, doanh nghiệp.

đ) Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối giao thương với các tỉnh, thành phố; tăng cường phân phối hàng hóa qua nền tảng số, quản lý tốt tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa và thị trường thương mại điện tử; đa dạng hóa thị trường, thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường truyền thống, các thị trường có tiềm năng. Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với thị trường; tăng cường kết nối logistics để thúc đẩy tiêu thụ, xuất khẩu nông sản chủ lực của tỉnh.

e) Triển khai có hiệu quả Chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành đồng bằng sông Cửu Long và Cụm phía

Đông đồng bằng sông Cửu Long năm 2024. Đẩy mạnh công tác truyền thông quảng bá giới thiệu thương hiệu du lịch “Sinh thái sông nước Xứ Dừa” điem đến An toàn - Thân thiện - Chất lượng.

g) Triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; kịp thời rà soát, điều chỉnh, điều chuyển vốn giữa các dự án đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế. Phấn đấu giải ngân đạt trên 95% kế hoạch vốn năm 2024. Thu hút, khai thác tối đa các nguồn vốn nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung triển khai các giải pháp tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

h) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính; tập trung triển khai thực hiện các quy định về hóa đơn điện tử. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về thuế, giá, phí,...; triển khai phương án bán đấu giá đối với nhà đất công đã có chủ trương để tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tập trung thu ngân sách, khai thác tốt các nguồn thu, phấn đấu tăng thu ngân sách năm 2024 theo Kế hoạch số 1499/KH-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước năm 2024.

i) Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai theo đúng quy định của pháp luật. Hoàn thành kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2024 đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định. Kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các bãi rác tập trung; tập trung triển khai thực hiện phương án xử lý rác tồn, mở rộng bãi rác xã An Hiệp, huyện Ba Tri; khẩn trương tổ chức thực hiện các quy trình để tái cơ cấu, đầu tư Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre. Chỉ đạo rà soát, phân lại vùng cấp nước của các dự án nhà máy nước không đảm bảo tiến độ cho các nhà máy cung cấp nước khác để người dân được tiếp cận nước sạch.

4. Về văn hóa - xã hội

a) Hoàn thành hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh Ngôi nhà - Nơi sinh ra và lớn lên của bà Nguyễn Thị Định (huyện Giồng Trôm), Chùa Oai Linh (huyện Mỏ Cày Nam). Khẩn trương hoàn thành lập quy hoạch Khu di tích quốc gia Đồng Khởi và hoàn tất các thủ tục triển khai dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển. Hoàn thành dự án chuyển đổi chất liệu mỹ thuật Tượng đài chiến thắng Lộ Thớt, Tượng đài chiến thắng Giá Thẻ và Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm.

b) Tập trung hoàn thành chương trình, nhiệm vụ năm học 2023 - 2024. Tổ chức nghiêm túc, an toàn và đúng quy định kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 và kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông công lập năm học 2024 - 2025. Rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để chuẩn bị tốt các điều kiện khai giảng năm học mới 2024 - 2025. Thực hiện tốt lộ trình thay sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bảo đảm cơ sở vật chất và nguồn nhân lực của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố để

chuẩn bị cho công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; tăng cường công tác giáo dục, phòng ngừa tình trạng bạo lực học đường.

c) Tăng cường các hoạt động phòng, chống bệnh truyền nhiễm nhằm giảm tỷ lệ mắc và tử vong, nhất là bệnh dại, tay chân miệng và bạch hầu. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các bệnh viện, trung tâm y tế; thực hiện kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong khám và điều trị. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành trên địa bàn; kiểm tra, hướng dẫn và hỗ trợ các cơ sở y tế trực thuộc thực hiện tốt công tác đầu thầu mua sắm thuốc và trang thiết bị vật tư y tế, đảm bảo phục vụ Nhân dân; khắc phục tình trạng thiếu thuốc trong khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

d) Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; tổ chức chu đáo các hoạt động kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2024). Tiến hành rà soát, điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường lao động, nắm bắt kịp thời tình hình lao động, việc làm tại các doanh nghiệp để có phương án hỗ trợ kịp thời nhằm đảm bảo nhu cầu nhân lực phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tập trung công tác vận động đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực của Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh để có hướng chỉ đạo, xử lý kịp thời.

đ) Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, quan tâm đầu tư hạ tầng chuyển đổi số ở tuyến cơ sở. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, nhất là truyền thông chính sách, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin, tạo khí thế, truyền cảm hứng cho người dân, doanh nghiệp.

5. Về quốc phòng, an ninh

a) Tăng cường triển khai các giải pháp nhằm tiếp tục giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tập trung quyết liệt kéo giảm phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025. Triển khai tốt Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15.

b) Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Bến Tre, huyện Mỏ Cày Bắc đạt mục đích, yêu cầu, đảm bảo an toàn tuyệt đối; thực hiện đúng quy trình công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025. Tổ chức chu đáo Lễ kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2024).

c) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho ngư dân, phương tiện nắm rõ các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản; triển khai có hiệu quả các giải pháp ngăn chặn triệt để tình trạng tàu cá trên địa bàn khai thác thủy sản trái phép tại vùng biển nước ngoài.

6. Về cải cách hành chính, chế độ công vụ, công chức

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số và nâng cao thứ hạng các chỉ số PCI, PAPI, PAR-INDEX, SIPAS và Chỉ số cải thiện chất

lượng các quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao vai trò, chất lượng, hiệu quả trong phối hợp thực thi công vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm việc chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

c) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Bến Tre đến năm 2030. Tập trung chỉ đạo các cơ quan có liên quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ công nhận đô thị loại V đối với thị trấn Châu Thành mở rộng để đảm bảo bổ sung hồ sơ báo cáo Bộ Nội vụ trong năm 2024.

7. Tập trung phối hợp triển khai có hiệu quả Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024; thực hiện tốt nhiệm vụ Trưởng ban điều hành Đề án tăng cường hợp tác liên kết các tỉnh duyên hải phía Đông (Bến Tre - Trà Vinh - Vĩnh Long - Tiền Giang).

Tăng cường hợp tác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững nhất là công nghệ giống, chế biến, bảo quản sau thu hoạch, sản phẩm có hàm lượng khoa học cao đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

8. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên ngành tham mưu hoàn thiện các chính sách, quy định triển khai Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, phấn đấu hoàn thành đạt mức cao nhất mục tiêu và các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2024.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Quang Triệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 11 /2024/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 3523/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và Kế hoạch

đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024, nhưng có điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của các dự án cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

b) Việc điều chỉnh tăng, giảm mức vốn phân bổ cho từng dự án không làm thay đổi tổng các nguồn vốn đã được phân bổ.

2. Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024

a) Điều chỉnh tên chủ đầu tư của 01 dự án và điều chỉnh nội dung đầu tư của 01 dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương (vốn trong nước) (tại Biểu tổng hợp ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND) cho phù hợp với các quyết định chủ trương và quyết định đầu tư;

b) Điều chỉnh tên chủ đầu tư của 01 dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (tại Phụ lục I.a ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND) cho phù hợp với các quyết định chủ trương và quyết định đầu tư; điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 02 dự án để bổ sung danh mục của 01 dự án và bổ sung kế hoạch vốn cho 08 dự án với tổng số vốn điều chỉnh là 19.391 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 6.000 triệu đồng;

c) Điều chỉnh tên 01 dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (tại Phụ lục I.c ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND) cho phù hợp với các quyết định chủ trương và quyết định đầu tư;

d) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025: bổ sung danh mục của 82 dự án (trong đó có 01 công trình thực hiện dự án và 81 công trình chuẩn bị đầu tư); điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 04 dự án (trong đó có 01 công trình thực hiện dự án, 03 công trình chuẩn bị đầu tư) do chưa có khối lượng thanh toán; bổ sung tăng kế hoạch vốn cho 01 công trình thực hiện dự án và 81 công trình chuẩn bị đầu tư, với tổng số vốn điều chỉnh là 6.300 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 2.530 triệu đồng;

đ) Điều chỉnh kế hoạch vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2024: điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án; bổ sung danh mục của 01 dự án và tăng kế hoạch

vốn cho 02 dự án, với tổng số vốn điều chỉnh là 273.017 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 9.100 triệu đồng.

3. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2023 chuyển sang năm 2024, với tổng số vốn là 117.574 triệu đồng

a) Bổ sung kế hoạch vốn chi trả nợ gốc cho các khoản vay lại của chính quyền địa phương vay cho 02 dự án;

b) Bổ sung kế hoạch vốn để tắt toán, quyết toán, thanh toán khối lượng các công trình hoàn thành cho 06 dự án;

c) Bổ sung danh mục 04 dự án và bổ sung kế hoạch vốn cho 05 dự án để triển khai thực hiện các công trình quan trọng, bức xúc của địa phương.

(Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024 tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

4. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 từ nguồn bội chi ngân sách địa phương, với tổng số vốn bổ sung là 15.800 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024 (nguồn bội chi ngân sách địa phương) tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Quang Triệu

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH BẾN TRE NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	356.175	473.749	135.204	17.630	
A	Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	356.175	473.749	135.204	17.630	
I	Điều chỉnh tên chủ đầu tư và nội dung đầu tư của các dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					
1	Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biển Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú					Điều chỉnh chủ đầu tư trong Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND là Ban QLDA các công trình NNPTNT thành Ban QLDA các công trình giao thông cho phù hợp với Quyết định phê duyệt dự án
2	Mộ và khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu (Danh nhân văn hóa được UNESCO ghi danh năm 2021)					Điều chỉnh nội dung đầu tư trong Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND từ "Chuẩn bị đầu tư" thành "Thực hiện dự án"
II	Điều chỉnh chủ đầu tư; điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của dự án sử dụng vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	19.391	19.391	6.000	6.000	
1	Tuyến từ cầu Đông Kinh đến rạch Bảo Vàng, xã Phú Sơn					Điều chỉnh chủ đầu tư từ UBND huyện Chợ Lách thành UBND xã Phú Sơn

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
2	Xây dựng đường ĐX.04 (đoạn từ đường dẫn vào cầu Cỏ Chiên (QL.60 mới) đến HL.17), xã Thành Thới A	2.500	3.000	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
3	Đường ĐX.04 (đoạn từ HL.17 đến Kênh đồng), xã Thành Thới B	1.020	1.520	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
4	Đường ĐX.04 (đoạn từ đường ĐH.20 - ĐX.01) xã Khánh Thạnh Tân	1.621	2.121	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
5	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.03 (đoạn từ ĐH.DK.38 - giáp xã Phú Sơn và nhánh rẽ giáp xã Vĩnh Hòa), xã Phú Mỹ	2.000	2.500	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
6	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.01 (đoạn từ QL.57B đến giáp Đường ĐH.07), xã Bình Thới	1.000	3.000	2.000		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
7	Đường ĐX .09 (đoạn từ ĐH.08 đến giáp đường Bắc - Nam), xã Bình Thới	1.000	1.500	500		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
8	Nhà văn hoá xã Bình Thới	1.000	2.000	1.000		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
9	Đường ĐX.06 (đoạn từ cầu treo xã Định Trung đến cầu Bình Trung) xã Định Trung, giai đoạn 1		500	500		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai công tác chuẩn bị đầu tư
10	Nâng cấp, mở rộng và xây mới đường ĐX.05 (đoạn từ QL.57B đến giáp Đê sông Tiền), xã Long Định	2.550	1.550		1.000	Giảm vốn do dự án đã hoàn thành, hết nhu cầu vốn
11	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.06 (đoạn từ ĐX.01 đến ĐX.04), xã Vang Quới Tây	6.700	1.700		5.000	Giảm vốn do dự án đã hoàn thành, hết nhu cầu vốn

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
III	Điều chỉnh tên dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					
<i>1</i>	Đường ĐC.02 (từ đường ĐH.DK.04 đến nhà bà Trần Thị Hồng tổ NDTQ số 9), ấp Giồng Gạch; Đường ĐC.08 (Từ ngã 3 An Điền Bé đến Kênh Thanh Niên), xã An Hiệp					- Điều chỉnh tên dự án từ "Đường ĐC.02 (từ đường ĐH.DK.04 đến nhà bà Trần Thị Hồng tổ NDTQ số 9), ấp Giồng Gạch; Đường ĐC.04 (Từ ngã 3 An Điền Bé đến Kênh Thanh Niên), xã An Hiệp" thành "Đường ĐC.02 (từ đường ĐH.DK.04 đến nhà bà Trần Thị Hồng tổ NDTQ số 9), ấp Giồng Gạch; Đường ĐC.08 (Từ ngã 3 An Điền Bé đến Kênh Thanh Niên), xã An Hiệp"
IV	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	6.300	6.300	2.530	2.530	
<i>IV.1</i>	<i>Thực hiện dự án</i>	<i>4.000</i>	<i>4.000</i>	<i>910</i>	<i>910</i>	
<i>1</i>	Lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	4.000	3.090		910	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án
<i>2</i>	Dự án Hạ tầng vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre		910	910		Bổ sung vốn đối ứng GPMB
<i>IV.2</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	<i>2.300</i>	<i>2.300</i>	<i>1.620</i>	<i>1.620</i>	
<i>1</i>	Bổ trí vốn thực hiện công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch (bao gồm quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành)					

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	<i>Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Địa Dừa, xã An Định, huyện Mô Cày Nam</i>	2.100	680		1.420	<i>Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ triển khai dự án</i>
2	Đầu tư kết cấu hạ tầng và trang thiết bị phục vụ chế biến sản phẩm Hợp tác xã nông nghiệp Thăng Lợi - Chợ Lách	100			100	Chưa thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư
3	Đầu tư trang thiết bị phục vụ chế biến sản phẩm Hợp tác xã Phước Mỹ Trung - Mô Cày Bắc	100			100	Chưa thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư
4	Xây dựng mới Cầu Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm		100	100		
5	Xây dựng mới Cầu Thanh Tân, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú		100	100		
6	Đầu tư, mở rộng bãi rác An Hiệp, huyện Ba Tri (giai đoạn 2)		100	100		
7	Trung tâm hành chính xã Bình Thắng, huyện Bình Đại		100	100		
8	Trung tâm hành chính xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại		100	100		
9	Khắc phục sụp lún mái kè bảo vệ bờ biển khu vực Côn Bưng, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre		100	100		
10	Trung tâm hành chính huyện Bình Đại (giai đoạn 2)		100	100		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
11	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển (giai đoạn 2)		100	100		
12	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử chùa Tuyên Linh		100	100		
13	Trường THPT Quảng Trọng Hoàng, huyện Mỏ Cây Nam		10	10		
14	Trường MN Nguyễn Thế Hùng, huyện Châu Thành		10	10		
15	Trường TH Thị Trấn, huyện Châu Thành		10	10		
16	Trường MG Tiên Thủy, huyện Châu Thành		10	10		
17	Trường TH Tiên Thủy A, huyện Châu Thành		10	10		
18	Trường TH Tiên Thủy B, huyện Châu Thành		10	10		
19	Trường Mầm non Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cây Bắc		10	10		
20	Trường THCS Nguyễn Văn Bánh, huyện Mỏ Cây Bắc		10	10		
21	Trường Mầm non Khánh Thạnh Tân, huyện Mỏ Cây Bắc		10	10		
22	Trường tiểu học Khánh Thạnh Tân 1, huyện Mỏ Cây Bắc		10	10		
23	Trường THCS Nguyễn Văn Xiếu, huyện Mỏ Cây Bắc		10	10		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
24	Trường Mầm Non Phú Mỹ, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
25	Trường TH Phú Mỹ, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
26	Trường THCS Nguyễn Thị Nhân, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
27	Trường MN Phước Mỹ Trung, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
28	Trường TH Phước Mỹ Trung, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
29	Trường THCS Nguyễn Thị Hai, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
30	Trường tiểu học Hưng Khánh Trung A, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
31	Trường THCS Đặng Thị Hai, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
32	Trường TH-THCS Võ Thị Giàu, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
33	Đường huyện dự kiến 38, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
34	Đường huyện dự kiến 41, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
35	Đường huyện 39, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
36	Đường huyện 18, huyện Mô Cày Bắc		10	10		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
37	Các cầu (cầu số 1, cầu Giồng Dầu, cầu Tân Nhuận) trên Đường huyện 19, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
38	ĐX.02 đoạn 2 (ĐX.02 (trụ sở ấp) đến Huyện lộ 19 (ấp Giồng Lớn)), xã Nhuận Phú Tân, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
39	Đường ĐA.04 (đoạn 1), xã Nhuận Phú Tân, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
40	Đường ĐA.04 (đoạn 2), xã Nhuận Phú Tân, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
41	Đường ĐA.06, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
42	ĐC.02 , xã Nhuận Phú Tân, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
43	ĐC.07, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
44	Đường ĐX.01 (Đường 8/3 liên xã Khánh Thạnh Tân - Tân Bình), xã Khánh Thạnh Tân (giai đoạn 2), huyện Mô Cày Bắc		10	10		
45	Đường ĐC 03, xã Phú Mỹ, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
46	Đường ĐC 08, xã Phú Mỹ, huyện Mô Cày Bắc		10	10		
47	Nâng cấp huyện lộ 25 (đoạn từ trường TH Mỹ Hưng đến HL92), huyện Thạnh Phú		10	10		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
48	Nâng cấp huyện lộ 27 (đoạn từ QL57 đến đường ba huyện), huyện Thạnh Phú		10	10		
49	Nâng cấp huyện lộ 26 (đoạn từ HL17 đến chợ Hòa Lợi), huyện Thạnh Phú		10	10		
50	Nâng cấp huyện lộ 30, huyện Thạnh Phú		10	10		
51	Nâng cấp huyện lộ 28, huyện Thạnh Phú		10	10		
52	Đường từ QL. 57 - Cụm Công nghiệp C2, huyện Thạnh Phú		10	10		
53	Đường vào Cụm Công nghiệp An Điền, huyện Thạnh Phú		10	10		
54	Đường từ QL. 57 - Khu Công nghiệp An Nhơn, huyện Thạnh Phú		10	10		
55	Đường ĐX. 03, xã An Điền, huyện Thạnh Phú		10	10		
56	Đường ĐA. 12, xã An Điền, huyện Thạnh Phú		10	10		
57	Đường ĐA. 07, xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú		10	10		
58	Đường ĐA. 08, xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú		10	10		
59	Đường ĐX. 01 (QL. 57 - Nhà ông Tâm), xã An Thuận, huyện Thạnh Phú		10	10		
60	Đường ĐA. 04, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú		10	10		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
61	Đường ĐX. 03, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú		10	10		
62	Đường ĐA. 02, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú		10	10		
63	Đường ĐA. 14, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú		10	10		
64	Đường ĐA. 15, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú		10	10		
65	Đường ĐA. 04, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú		10	10		
66	Đường ĐA. 05, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú		10	10		
67	Đường ĐX. 01, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú		10	10		
68	Đường ĐA. 02, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú		10	10		
69	Trường Mẫu giáo Hoa Lan, xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại		10	10		
70	Trường Mẫu giáo Bình Đông, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại		10	10		
71	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại		10	10		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
72	Trường Mẫu giáo Sen Hồng, xã Bình Thắng, huyện Bình Đại		10	10		
73	Trường Mẫu giáo Thạnh Trị, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại		10	10		
74	Xây dựng Trường Mầm non Hoa Mai, xã Định Trung, huyện Bình Đại		10	10		
75	Xây dựng Trường THCS Trịnh Viêt Bảng, xã Định Trung, huyện Bình Đại		10	10		
76	Đường ĐX.01 (đường áp Thừa Tiên), xã Thừa Đức, huyện Bình Đại		10	10		
77	Đường ĐX .01: giáp ranh thị trấn - Đường ĐX.03 (kết nối về trung tâm xã), xã Bình Thắng, huyện Bình Đại		10	10		
78	Đường ĐX.04 (đường giáp ranh đường Bắc Nam đến ngã tư rạch Gừa, xã Phú Long), xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại.		10	10		
79	Đường ĐX.01 (nâng cấp mở rộng mặt đường, hệ thống cống thoát nước 02 bên tuyến đường trung tâm xã), xã Phú Vang, huyện Bình Đại		10	10		
80	Nâng cấp láng nhựa mặt đê sông Tiền (đoạn từ xã Phú Vang đến giáp ranh xã Định Trung), xã Phú Vang, huyện Bình Đại		10	10		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
81	Đường liên xã (ĐH.09) - ĐX.02, xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại		10	10		
82	Nhà văn hóa xã Thừa Đức, huyện Bình Đại		10	10		
83	Nhà văn hóa xã Bình Thắng, huyện Bình Đại		10	10		
84	Nhà văn hóa xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại		10	10		
V	Điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn Xổ số kiến thiết	273.017	273.017	9.100	9.100	
	Thực hiện dự án	273.017	273.017	9.100	9.100	
1	Kế hoạch số 5837/KH-UBND ngày 27/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số sử dụng vốn NSNN tỉnh Bến Tre					
1.1	Nâng cấp sàn thương mại điện tử Bến Tre (bentretrade.vn)	2.000	1.800		200	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án
1.2	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực	5.000	100		4.900	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án
2	Khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng Bung Lạc Địa	8.000	4.000		4.000	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án
3	Trường Mầm non An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam		1.814	1.814		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để tất toán, quyết toán
4	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	258.017	265.303	7.286		Bổ sung vốn để triển khai các gói thầu còn lại, đảm bảo hoàn thành dự án trong năm 2025

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
B	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT năm 2023 chuyển sang năm 2024	57.467	175.041	117.574		Bổ sung kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT năm 2023 chuyển sang năm 2024 là 117.574 triệu đồng
1	Chi trả nợ gốc cho các khoản vay lại của chính quyền địa phương vay					Theo quy định tại Điều 12, Nghị định 93/2018/NĐ-CP của Chính phủ
	<i>Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bến Tre</i>	<i>440</i>	<i>710</i>	<i>270</i>		
	<i>Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre</i>	<i>6.400</i>	<i>8.880</i>	<i>2.480</i>		
2	Bổ trí vốn kế hoạch để tất toán, quyết toán, thanh toán khối lượng các công trình hoàn thành					
	<i>Xây dựng tuyến ống cấp nước khu vực Cù Lao Long Thành xã Sơn Phú và Hưng Phong, huyện Giồng Trôm</i>		<i>108</i>	<i>108</i>		
	<i>Dự án xói lở bờ biển khu vực Cồn Lợi, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú</i>		<i>279</i>	<i>279</i>		
	<i>Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã và XDM các công trình phụ xã Sơn Định - phụ trợ xã Sơn Định</i>		<i>9</i>	<i>9</i>		
	<i>Đường HL.33 xã Hòa Nghĩa, Huyện Chợ Lách</i>		<i>2</i>	<i>2</i>		
	<i>Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú</i>		<i>68</i>	<i>68</i>		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	Trường Tiểu học Quới Điền		16	16		
3	Trường TH Lê Hoàng Chiêu		500	500		Triển khai dự án do công trình xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo công tác giảng dạy và học tập
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre		30.000	30.000		Ưu tiên triển khai dự án do cấp thiết về ổn định môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
5	Cải tạo nâng cấp Khu chôn lấp rác tại Bãi rác Phú Hưng		1.250	1.250		Ưu tiên triển khai dự án do cấp thiết về ổn định môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
6	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	50.627	113.219	62.592		Bổ sung vốn để triển khai các gói thầu còn lại, đảm bảo hoàn thành dự án trong năm 2025
7	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp Phong Năm		20.000	20.000		Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo hoàn thành dự án trong năm 2024

Phụ lục II

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH BẾN TRE NĂM 2024
(NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2024	Bổ sung Kế hoạch năm 2024			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>22.800</u>	<u>38.600</u>	<u>15.800</u>		
1	Dự án phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Bến Tre	13.800	13.800			
2	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	9.000	24.800	15.800		Bổ sung vốn để đảm bảo tỷ lệ giải ngân theo Hiệp định và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành trong năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 12 /2024/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nhiệm vụ chi và mức chi thực hiện
sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh

phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải cơ sở;

Xét Tờ trình số 3002/TTr-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết quy định nhiệm vụ chi và mức chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nhiệm vụ chi và mức chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2030, bao gồm các trường hợp thành lập, nhập, giải thể, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn;

b) Các nội dung khác có liên quan quy định nhiệm vụ chi và mức chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Nhiệm vụ chi và mức chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

1. Nhiệm vụ chi và mức chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Trường hợp tổ chức thuê đơn vị tư vấn xây dựng Phương án tổng thể, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan về đấu thầu.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay

thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá X, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Quang Triệu

Phụ lục
NHIỆM VỤ CHI VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Nghị quyết số 12 /2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	NHIỆM VỤ CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI			GHI CHÚ
			CẤP TỈNH	CẤP HUYỆN	CẤP XÃ	
1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cho từng giai đoạn (2023-2025 và 2026 - 2030)	đồng/văn bản	1.500.000	1.000.000	500.000	
2	Xây dựng Phương án sắp xếp đơn vị hành chính (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm tiếp thu, điều chỉnh dự thảo)	đồng/ phương án	10.000.000	5.000.000		
3	Xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm tiếp thu, điều chỉnh dự thảo)	đồng/đề án	15.000.000	7.500.000		
4	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính (chi sản phẩm cuối cùng, bao gồm các công việc trong thực hiện quy trình xây dựng Nghị quyết)	đồng/Nghị quyết	15.000.000	7.500.000	5.000.000	
5	Báo cáo sơ kết việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2025, tổng kết việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2030	đồng/văn bản	1.500.000	1.000.000	500.000	

6	Chi thực hiện công tác tuyên truyền, vận động				
a	Chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên công, trang thông tin điện tử về chủ trương, đề án sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh		Thực hiện theo Điều 7 Quy định mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên Công, Trang thông tin điện tử các cấp; Bản tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội các cấp và các tác phẩm được phát trên Đài Truyền thanh cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
b	Chi trả nhuận bút, thù lao cho Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã về chủ trương, đề án sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh		Thực hiện theo Điều 9 Quy định mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên Công, Trang thông tin điện tử các cấp; Bản tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội các cấp và các tác phẩm được phát trên Đài Truyền thanh cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
c	Thiết kế, in pano, áp phích		Chi theo thực tế trên cơ sở chứng từ hợp pháp, hợp lệ		
d	Thiết kế, in ấn, tài liệu (cẩm nang, tài liệu hỏi - đáp, tờ gấp,...)				
7	Chi tổ chức lấy ý kiến cử tri về Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre				

a	Điều tra, lập danh sách cử tri	đồng/cử tri			500	
b	Lập, in phiếu lấy ý kiến cử tri	đồng/cử tri			500	
c	Niêm yết danh sách cử tri	đồng/ đơn vị hành chính cấp xã			2.000.000	
d	In ấn tài liệu lấy ý kiến cử tri	đồng/ đơn vị hành chính cấp xã			2.000.000	
đ	Lấy ý kiến cử tri	đồng/cử tri			1.000	
e	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về việc lấy ý kiến cử tri (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính)		Thực hiện theo các điểm a, b khoản 6 Phụ lục này			
g	Hội nghị cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức để phổ biến về sắp xếp đơn vị hành chính (nếu có)				Thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công	

					tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre	
h	Chi khoán hỗ trợ tiền (trà, nước, bánh,...) cho các ấp, khu phố phổ biến về việc lấy ý kiến cử tri	đồng/ấp, khu phố			150.000	
i	Biên soạn tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri (theo Điều 12 Nghị định số 54/2018/NĐ-CP):					
-	Tóm tắt Đề án	đồng/bản tóm tắt	2.000.000			
-	Đồ họa thông tin (<i>Infographic</i>) tuyên truyền, cảm nang, tài liệu hỏi – đáp, Tờ gấp	đồng/tài liệu	1.500.000			
k	Báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri	đồng/báo cáo	900.000	700.000	700.000	
8	Chi công tác kiểm tra, giám sát về tình hình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; Chi thực hiện khảo sát thực tế hiện trạng đơn vị hành chính					
a	Trưởng đoàn		Thực hiện theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa			
b	Các thành viên đoàn kiểm tra, giám sát					

			bản tỉnh Bến Tre		
c	Xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát về tình hình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; khảo sát thực tế hiện trạng đơn vị hành chính	đồng/báo cáo	2.000.000	1.500.000	
9	Chi tổ chức các hội nghị: - Hội nghị triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã - Hội nghị sơ kết, tổng kết thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.		Thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre		
10	Chi biên tập, in ấn bản đồ	đồng/bản đồ	Chi theo thực tế trên cơ sở chứng từ hợp pháp, hợp lệ.		
11	Chi in ấn tài liệu phục vụ các cuộc họp, hội nghị (bao gồm văn phòng phẩm)		Chi theo thực tế trên cơ sở chứng từ hợp pháp, hợp lệ.		
12	Đối với các nội dung chi khác không thuộc định mức nêu trên thì thực hiện theo các quy định hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13 /2024/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở
trên địa bàn tỉnh Bến Tre

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Xét Tờ trình số 3345/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố và người lao động tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh;

c) Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước;

d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Về bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

a) Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được phân công; thường xuyên đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu thực tiễn tại cơ sở;

b) Thực hiện công tác tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện công tác dân chủ ở cơ sở tại các cơ quan, đơn vị, thành viên Ban Thanh tra nhân dân, thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố;

c) Bảo đảm 100% cơ quan, đơn vị phân công cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có năng lực để thực hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị;

d) Bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện công tác dân chủ ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở hằng năm;

đ) Bảo đảm 100% Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được bồi dưỡng nghiệp vụ về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Về thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

a) Thực hiện đa dạng các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở đến với người dân, giúp Nhân dân hiểu rõ các quy định liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Tổ chức biên soạn tài liệu tuyên truyền pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả;

c) Phát huy tốt vai trò của Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở đến Nhân dân.

3. Về nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt

động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố, người lao động trong việc thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

a) Đến năm 2025, bảo đảm 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện tốt quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo quy định. Khuyến khích các địa phương xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã, phường, thị trấn;

b) Đến năm 2025, bảo đảm 100% các ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh đều xây dựng và ban hành hương ước, quy ước theo quy định;

c) Bảo đảm 100% cơ quan, đơn vị phải ban hành và tổ chức thực hiện tốt quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị;

d) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải gương mẫu trong việc thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định;

đ) Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố, người lao động phải gương mẫu trong việc thực hiện quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc và nơi cư trú; gương mẫu thực hiện tốt hương ước, quy ước tại nơi cư trú;

e) Xác định mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, tổ chức, đơn vị là căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, đơn vị.

4. Về biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị, địa phương, kịp thời khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền khen thưởng các gương điển hình, các cá nhân, tổ chức có nhiều thành tích trong phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Cơ quan thực hiện công tác thi đua, khen thưởng các cấp tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác phát hiện, đề xuất biểu dương khen thưởng, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa của các phong trào thi đua và tuyên truyền gương điển hình tiên tiến trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở;

c) Tăng cường công tác pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, phòng, chống vi phạm pháp luật; ngăn chặn những hành vi gây rối, phá hoại cuộc sống bình yên của nhân dân.

5. Về hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số

a) Đến năm 2025, bảo đảm 100% người hoạt động không chuyên trách ở khu phố có và sử dụng thành thạo thiết bị thông minh trong quản lý và điều hành công việc;

b) Đến năm 2025, bảo đảm 100% người hoạt động không chuyên trách ở ấp thuộc xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu có và sử dụng thành thạo thiết bị thông minh trong quản lý và điều hành công việc; khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở ấp thuộc các xã còn lại có và sử dụng thành thạo thiết bị thông minh trong quản lý và điều hành công việc;

c) Đến năm 2025, các phường, thị trấn, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu phải có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử và thực hiện việc đăng tải công khai các nội dung mà chính quyền địa phương cấp xã phải công khai theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15;

d) Xây dựng cơ chế khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố trang bị thiết bị thông minh để quản lý và điều hành công việc;

đ) Quan tâm bố trí kinh phí để các địa phương xây dựng cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của các xã, phường, thị trấn để bảo đảm điều kiện tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở;

e) Nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

6. Tăng cường các biện pháp bảo đảm khác trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

a) Quy định chế độ báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại các cơ quan, đơn vị;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện dân chủ ở cơ sở và các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở;

c) Tiếp nhận, xem xét xử lý đối với hành vi vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm kinh phí phục vụ công tác thực hiện dân chủ ở cơ sở; bố trí kinh phí thực hiện lồng ghép với các nguồn kinh phí triển khai các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh; kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi hàng năm.

2. Thực hiện xã hội hóa và vận động các nguồn lực hợp pháp khác để phục vụ công tác thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Quang Triệu

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường An Hội, TP.Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: congbaobentre@bentre.gov.vn;

Website: congbao.bentre.gov.vn